

BÀI TẬP CUỐI TUẦN TOÁN 2

Tuần 25 – Đề 1

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu 1. Đúng ghi Đ, sai ghi S:

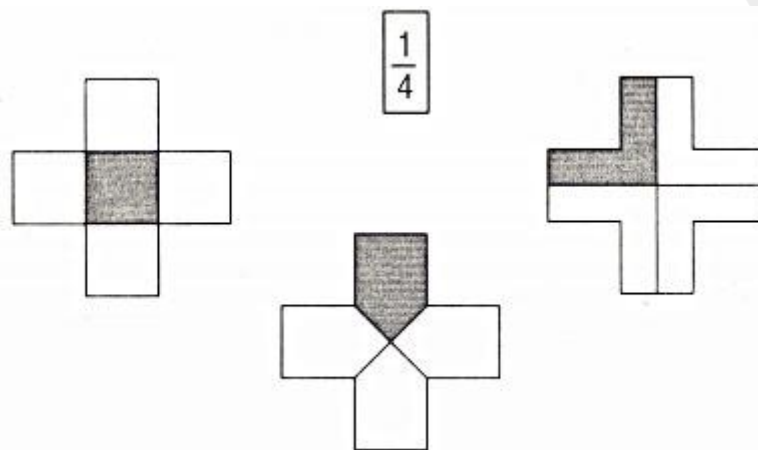
a) Muốn tìm một thừa số, ta lấy tích nhân với thừa số kia ...

b) Muốn tìm một thừa số, ta lấy tích chia cho thừa số kia ...

Câu 2. Nối phép tính với kết quả của phép tính đó:

20 : 4	12 : 4	24 : 4			
3	9	6	8	5	7
32 : 4	28 : 4	36 : 4			

Câu 3. Nối hình vẽ đã tô màu $\frac{1}{4}$ hình đó với phân số $\frac{1}{4}$.



Phần 2. Tự luận

Bài 1. Viết số thích hợp vào ô trống:

○	→ × 5 →	15	○	→ × 7 →	28	○	→ × ... →	32
---	---------	----	---	---------	----	---	-----------	----

Bài 2. Tìm x :

a) $x \times 3 = 12$

.....

.....

b) $2 \times x = 14$

.....

.....

c) $x \times 4 = 36$

.....

.....

Bài 3. Có 36 học sinh xếp thành 4 hàng đều nhau. Hỏi mỗi hàng có bao nhiêu học sinh?

Bài giải

.....

Bài 4. Lớp 2A có 36 học sinh xếp thành các hàng, mỗi hàng có 4 học sinh. Hỏi lớp 2A xếp được bao nhiêu hàng ?

Bài giải

.....

Bài 5. Số?

4	×	8	=	
---	---	---	---	--

:
2
=

3	×	6	=	
---	---	---	---	--

:
3
=

LỜI GIẢI CHI TIẾT

Phần 1.

Câu 1.

Phương pháp:

Áp dụng quy tắc: Muốn tìm một thừa số ta lấy tích chia cho thừa số kia.

Cách giải:

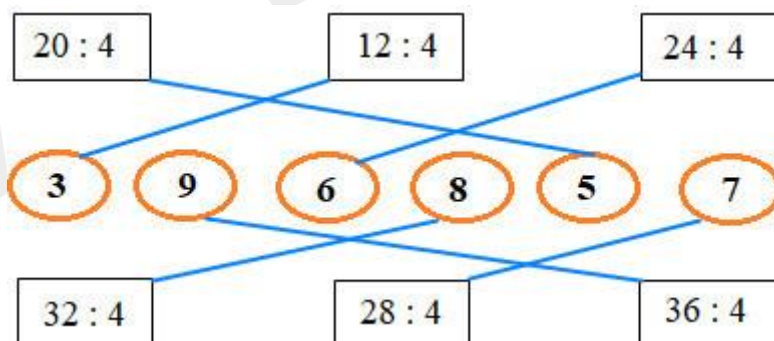
- a) Muốn tìm một thừa số, ta lấy tích nhân với thừa số kia (S)
 b) Muốn tìm một thừa số, ta lấy tích chia cho thừa số kia (Đ)

Câu 2.

Phương pháp:

Nhắm lại bảng chia 4 để tìm kết quả của mỗi phép chia, sau đó nối phép tính với kết quả của phép tính đó.

Cách giải:

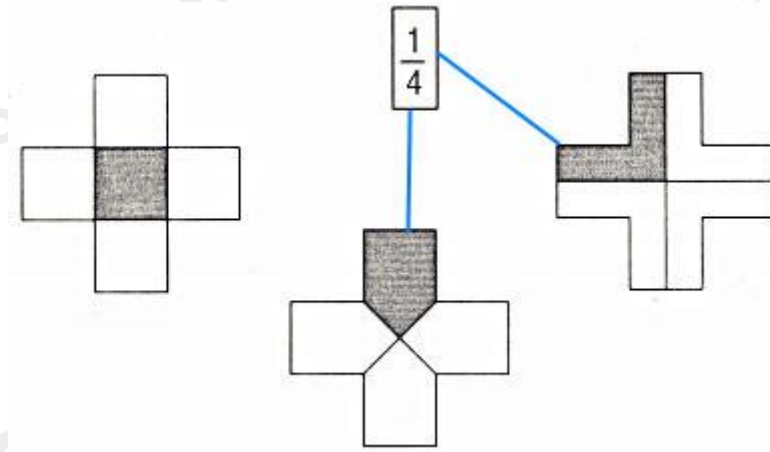


Câu 3.

Phương pháp:

Quan sát kĩ các hình vẽ để tìm hình đã được tô màu $\frac{1}{4}$ hình đó.

Cách giải:



Phần 2.

Bài 1.

Phương pháp:

Nhẩm lại các bảng nhân đã học rồi điền số thích hợp vào ô trống.

Cách giải:

$$\begin{array}{ccc} \textcircled{3} \times 5 \rightarrow \boxed{15} & \textcircled{4} \times 7 \rightarrow \boxed{28} & \textcircled{4} \times 8 \rightarrow \boxed{32} \end{array}$$

Bài 2.

Phương pháp:

Áp dụng quy tắc: Muốn tìm một thừa số ta lấy tích chia cho thừa số kia.

Cách giải:

a) $x \times 3 = 12$

$$x = 12 : 3$$

$$x = 4$$

b) $2 \times x = 14$

$$x = 14 : 2$$

$$x = 7$$

c) $x \times 4 = 36$

$$x = 36 : 4$$

$$x = 9$$

Bài 3.

Phương pháp:

Muốn tìm số học sinh trong mỗi hàng ta lấy số học sinh chia cho số hàng.

Cách giải:

Mỗi hàng có số học sinh là:

$$36 : 4 = 9 \text{ (học sinh)}$$

Đáp số: 9 học sinh.

Bài 4.**Phương pháp:**

Để tìm số hàng xếp được ta lấy số học sinh chia cho số học sinh có trong mỗi hàng.

Cách giải:

Lớp 2A xếp được số hàng là:

$$36 : 4 = 9 \text{ (hàng)}$$

Đáp số: 9 hàng.

Bài 5.**Phương pháp:**

Nhẩm lại các bảng nhân, bảng chia đã học rồi điền số thích hợp vào ô trống.

Cách giải:

4	×	8	=	32
		:		
		2		
		=		
		4		

3	×	6	=	18
		:		
		3		
		=		
		2		